

*Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2021
V/v: Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Công Thanh**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 - 1/ Ông **Nguyễn Lai**
 - 2/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên

Ngày 06/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 113/2021/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều H**- Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn VT1, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Văn L**- Sinh năm: 1975; Địa chỉ nơi cư trú: thôn VT 1, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà H và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 01/2011, ngày 07/6/2011.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên kinh cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không có chính kiến của bản thân, nghe lời bên gia đình chồng nên dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng xa cách. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay; mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Hiện bà không còn tình cảm gì với ông L, hôn nhân kéo dài không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 19/7/2013. Cháu khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn L đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 01/7/2021 tại Công an xã Cam Phước Tây, ông Lê Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn VT 1, xã CPT, huyện CL và hiện nay đang làm ăn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Văn L có hộ khẩu thường trú, làm ăn sinh sống tại thôn VT 1, xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Hiện ông L đang có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân xã CPT, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2011, ngày 07/6/2011; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hàn gắn. Bà H và ông L đã sống ly thân từ tháng 11/2020, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Bà H xác định không còn tình cảm đối với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H được ly hôn với ông Lê Văn L.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 19/7/2013. Cháu khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Đ đang sống với bà H, theo Bản tự khai ngày 01/7/2021 nguyện vọng của cháu Đ là được sống cùng với bà H. Mặt khác ông L được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu của bà H và nguyện vọng của cháu Đ, do đó tiếp tục giao cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các bên cũng như nguyện vọng của cháu Đ. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn L vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kiều H được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 19/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: bà Nguyễn Thị Kiều H và ông Lê Văn L được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kiều H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/202021/0008748 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Thành

